

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Lớp: **TPL22B2TS** Năm học: **22-23**
Mã môn học/ Mô đun: **MH02231** Học kỳ: **01**
Tên môn học/ Mô đun: **Tin học**
Số tín chỉ: **2**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1			Hệ số 2			ThiL1	ThiL2	ĐMH/ MD
1	2253801012822	Nguyễn Phạm	Tâm	18/08/1988			10	8.5			8.8		8.9
2	2253801012823	Thạch Văn	Thành	05/04/1991			10	8.5			9.5		9.3
3	2253801012824	Võ Thị Mai	Thảo	05/10/2000			8	8.0			9.5		8.9
4	2253801012825	Huỳnh Trí	Thiện	10/07/1990			8	7.5			9.0		8.5
5	2253801012826	Phan Ngọc	Thiện	26/08/2006			0	0.0			0.0	0.0	0.0
6	2253801012827	Phạm Kiều	Tiên	19/07/2005			0	0.0			0.0	0.0	0.0
7	2253801012828	Đoàn Trung	Tính	25/01/2003			9.5	9.5			8.8		9.1
8	2253801012829	Lê Thị Huỳnh	Trần	12/05/2006			9.5	9.0			9.3		9.2
9	2253801012830	Định Thị Tuyết	Vân	05/02/1993			9.5	8.5			9.3		9.1
10	2253801012831	Đặng Thị Kim	Xuyên	12/12/1996			0	0.0			0.0	0.0	0.0
11	2253801013364	Khuru Thị Thúy	Anh	08/11/1984			0	0.0			0.0	0.0	0.0
12	2253801013365	Lê Hoàng	Anh	24/02/1989			8.5	9.0			9.0		8.9
13	2253801013366	Nguyễn Thị	Chúc	24/05/1988			9.5	8.5			9.3		9.1
14	2253801013367	Trần Văn	Đề	22/02/1969			7.5	8.0			9.0		8.5
15	2253801013368	Hứa Thị	Đình	01/06/1990			0	0.0			0.0	0.0	0.0
16	2253801013369	Lê Văn	Hậu	26/05/1988			0	0.0			0.0	0.0	0.0
17	2253801013370	Lâm Thị Thanh	Hiếu	11/03/1990			9.5	9.0			8.5		8.8
18	2253801013371	Lý Thị Thúy	Ngân	20/01/2006			0	0.0			0.0	0.0	0.0
19	2253801013372	Huỳnh Thị Có	Ngọc	27/01/2006			0	0.0			0.0	0.0	0.0
20	2253801013373	Huê Hồng	Phú	20/11/1976			8	8.0			9.5		8.9
21	2253801013374	Phạm Văn	Thuận	01/01/1992			0	0.0			0.0	0.0	0.0
22	2253801013375	Trần Thanh	Tiêng	26/03/1974			9	8.0			9.3		8.9
23	2253801013376	Nguyễn Tường	Vý	21/08/2006			0	0.0			0.0	0.0	0.0

Châu Đốc, ngày 22 tháng 5 năm 2023

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Khuru Kim Thanh